

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày: 30-03-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt -Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tổng công ty BĐVN.

Địa chỉ: số 02 đường HB, phường AH, quận NK, thành phố CT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Quang H - Chức danh: Tổng Giám đốc Tổng công ty BĐVN.

Người đại diện theo ủy quyền: BĐTPCT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quách Giang S- Chức danh: Giám đốc BĐTPCT.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: số 27 đường B13, KDC91B, phường AK, quận NK, thành phố CT.

Theo giấy ủy quyền số 07/BĐCT-UQ/2017 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc BĐTPCT.

Ông Mai Trung K, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực THC, phường LH, quận OM, thành phố CT.

Theo giấy ủy quyền số 08/BĐCT-UQ/2017 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc BĐTPCT.

1. *Bị đơn:* Ngân hàng TMCP VA (VAB).

Địa chỉ: số 34A-34B HT, quận HBT, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Hữu V- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP VA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP VA – CNAG.

Địa chỉ: số 31/1 đường THĐ, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

(Theo quyết định số 60F/2018/QĐ-TGD ngày 26/01/2018 về việc ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP VA, ủy quyền cho Ngân hàng TMCP VA - CNAG được đại diện cho Ngân hàng TMCP VA).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Minh V - Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách VAB-CNAG (vắng mặt).

Ông Tăng Hồ T - Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp VAB - CNAG (có mặt).

Theo giấy ủy quyền số 12A/2018/GUQ-TGD, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP VA.

Địa chỉ nơi làm việc: số 31/1 đường THĐ, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

Ông Trần Đình K, sinh năm 1996 - Chức vụ: Chuyên viên Phòng pháp chế và giám sát tuân thủ VAB- Ngân hàng TMCP VA (có mặt).

Theo giấy ủy quyền số 221/2019/GUQ-TGD ngày 06 tháng 09 năm 2019, của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP VA.

Địa chỉ liên lạc: số 31/1 đường THĐ, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

1. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty CPTK XDST.

Địa chỉ trụ sở chính: số 94-96 đường LL, phường BT, Q1, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Hải B - Chức danh: Giám đốc Công ty CPTK XDST. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302318381, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 12

tháng 06 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và đầu tư thành phố HCM cấp (vắng mặt).

Địa chỉ nơi làm việc: số 94-96 đường LL, phường BT, Q1, thành phố HCM.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: BV, xã HM, huyện PQ, tỉnh KG.

Địa chỉ chỗ ở hiện tại: Số 1Đ1, phường PT, Q7, thành phố HCM.

Ông Nguyễn Văn C - Chức danh: Tổng Giám đốc Công ty CPTK XD SGT. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302318381, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 12 tháng 06 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố HCM cấp (vắng mặt).

Địa chỉ nơi làm việc: số 94-96 đường LL, phường BT, Q1, thành phố HCM.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 93 ĐS 1, Khu HA, P5, Q8, thành phố HCM.

Ông Tạ Kim H - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CPTKXD SGT. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302318381, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 12 tháng 06 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố HCM cấp (vắng mặt).

Địa chỉ nơi làm việc: số 94-96 đường LL, phường BT, Q1, thành phố HCM.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 43/8 đường NKKN, phường NTB, Q1, thành phố HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình C, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 43/41 đường TĐ, phường LT, Q9, thành phố HCM (vắng mặt).

Theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2020. Do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CPTK XD SGT ký ủy quyền.

2/ Ông Đoàn Thanh K, sinh năm 1976 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: số 309G/9 khu vực 4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: số 21/2 đường HHT, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

4/ Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: số 157 đường LVN, phường MB, thành phố LX, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 06 năm 2017, bổ sung ngày 06 tháng 12 năm 2017, Công văn số 854/BĐVN-VP ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Tổng công ty BĐVN và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm,

nguyên đơn Tổng công ty BĐVN do các ông Nguyễn Văn L, Mai Trung K đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 09 tháng 08 năm 2012 BĐTPCT (trực thuộc Tổng CTBCVN) và Công ty CPTK XDST (viết tắt là Công ty Sài Gòn Tourist) ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC.12 về việc thi công xây dựng công trình toàn bộ phần công việc thuộc phạm vi gói thầu số 10; Xây lắp nhà chính và các hạng mục phụ trợ, các hạng mục thiết bị kỹ thuật công trình theo bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật được nêu tại chương VIII của hồ sơ mời thầu, hoàn thiện hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác.

CTSGT phải thực hiện thi công công trình bao gồm: Trung tâm khai thác, chia chọn và nút mạng viễn thông liên tỉnh khu vực Đồng B sông CL tại thành phố CT - Công trường k2, lô số 26, Khu dân cư HP1, quận CR, thành phố CT.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do kéo dài thời gian công trình nên các bên có ký kết tiếp các phụ lục hợp đồng gồm:

Phụ lục hợp đồng thi công số 01/PL.HĐTC.14 ngày 13 tháng 01 năm 2014

Phụ lục hợp đồng thi công số 02/PL.HĐTC.14 ngày 27 tháng 06 năm 2014

Phụ lục hợp đồng thi công số 03/PL.HĐTC.14 ngày 29 tháng 09 năm 2014

Phụ lục hợp đồng thi công số 04/PL.HĐTC.14 ngày 30 tháng 10 năm 2014

Phụ lục hợp đồng thi công số 05/PL.HĐTC.15 ngày 25 tháng 03 năm 2015

Để tiếp tục thực hiện hợp đồng thi công xây dựng số 03/HĐTC.12 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Trong đó, tại Khoản 1 Điều 2 của phụ lục hợp đồng số 05/PL.HĐTC.15 quy định "... bên B phải trình cho bên A một chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công công trình do một Ngân hàng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành được bên A chấp thuận với giá trị bảo lãnh tương đương 10% giá trị hợp đồng còn lại là 1.316.591.000đ". Do đó, CTSGT cung cấp cho BĐTPCT là đã được Ngân hàng TMCP VA – CNAG (viết tắt là Ngân hàng Việt Á) bảo lãnh theo chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015, đồng ý bảo lãnh cho CTSGT số tiền 1.316.591.000đ.

Nội dung bảo lãnh giữa NHVA bảo lãnh cho CTSGT được nêu cụ thể là: Chúng tôi (NHVA) cam kết sẽ thanh toán vô điều kiện cho Chủ đầu tư số tiền trong phạm vi bảo lãnh nói trên ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp pháp của Chủ đầu tư trong thời hạn của thư bảo lãnh.

Đến ngày 06 tháng 04 năm 2015 NHVA ban hành thông báo số 235A/TB-CNAG/15 về việc tu chỉnh nội dung chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số

235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015. Trong thư tiếp tục khẳng định nội dung bảo lãnh.

Để bảo đảm công việc được tiến hành thuận lợi trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, CTSGT đã chậm tiến độ thi công theo hợp đồng. Cụ thể có các nội dung như sau:

Ngày 20 tháng 04 năm 2014 Chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát có lập biên bản làm việc để xử lý kết thúc Phụ lục hợp đồng số 01/PL.HĐTC.14 và chuẩn bị các nội dung khác để tiếp tục ký kết gia hạn Phụ lục hợp đồng.

Đến ngày 21 tháng 04 năm 2014 hai bên đã thống nhất biên bản phạt CTSGT chậm tiến độ lần 1.

Ngày 27 tháng 06 năm 2014 đã ký kết Phụ lục hợp đồng số 02/PL.HĐTC.14.

Ngày 15 tháng 08 năm 2014 Chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát có lập biên bản làm việc để xử lý kết thúc Phụ lục hợp đồng số 02/PL.HĐTC.14 và chuẩn bị các nội dung khác để tiếp tục ký kết gia hạn Phụ lục hợp đồng.

Đến ngày 18 tháng 09 năm 2014 thống nhất biên bản phạt CTSGT chậm tiến độ lần 2.

Ngày 29 tháng 09 năm 2014 đã ký kết Phụ lục hợp đồng số 03.1/PL.HĐTC.14 và 03.2/PL.HĐTC.14.

Ngày 20 tháng 03 năm 2015 Bưu điện CT đã họp bàn trao đổi với CTSGT về việc chậm tiến độ thi công công trình và đến đến ngày 25 tháng 03 năm 2015 thống nhất ký kết hợp đồng số 05/PL.HĐTC.15.

Sau khi ký kết các phụ lục hợp đồng, Bưu điện CT tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở CTSGT phải thực hiện công việc nhưng CTSGT không thực hiện. Do vậy, vào ngày 20 tháng 06 năm 2015 Bưu điện CT chính thức phát hành văn bản là công văn số 711/TB.BĐCT về việc chấm dứt hợp đồng thi công số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012. Đồng thời có thông báo cho NHVA biết đề nghị Ngân hàng thanh toán vô điều kiện cho Bưu điện CT số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 1.316.591.000đ theo thông báo số 712/BĐCT-KHKD-KTTKTC.

Đến ngày 31 tháng 08 năm 2015 Bưu điện CT ban hành công văn số 1016/BĐCT-KHKD-KTTKTC cho NHVA đề nghị Thòi tiền bảo lãnh (lần 2).

Tiếp tục đến ngày 23 tháng 05 năm 2017 Bưu điện CT ban hành công văn số 649/BĐCT-KHKD-KTTKTC đến NHVA đề nghị thanh toán số tiền bảo lãnh (lần 6).

Tuy nhiên, qua các lần đề nghị nhưng NHVA chưa thực hiện nên Tổng công ty BĐVN yêu cầu Ngân hàng TMCP VA - CNAG có trách nhiệm thanh toán số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Tổng công ty BĐVN tổng số tiền 1.571.131.927đ. Trong đó, số tiền bảo lãnh là 1.316.591.000đ. Số tiền lãi chậm thanh toán số tiền bảo lãnh Th từ ngày 28 tháng 06 năm 2017 đến ngày 28 tháng 11 năm 2017 (tạm Th) là 254.540.927đ. Số tiền lãi chậm thanh toán bảo lãnh từ ngày 27 tháng 11 năm 2017 đến ngày có phán quyết của Tòa án.

Bị đơn Ngân hàng TMCP VA do ông Nguyễn Minh V, ông Tăng Hồ T, ông Trần Đình K đại diện theo ủy quyền và tại phiên tòa có ý kiến trình bày:

Về quá trình giao dịch giữa Ngân hàng TMCP VA - CNAG và Bưu điện CT: Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 Ngân hàng TMCP VA – CNAG ký kết hợp đồng cấp bảo lãnh số 013/HĐBL-VAB-AN/2015 với CTSGTbảo lãnh cho hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC ngày 09 tháng 08 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Theo nội dung thư bảo lãnh thể hiện, thư bảo lãnh chỉ có hiệu lực khi số tiền còn lại của Hợp đồng số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 và các phụ lục kèm theo hợp đồng chính là 13.000.000.000đ được chuyển vào tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 của CTSGTmở tại NHVA– CNAG kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2015 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015. Đến nay, Bưu điện CT(Tổng công ty BĐVN) chưa thực hiện nội dung thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh cam kết bảo lãnh chỉ có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật khi có đầy đủ các thành phần gồm: Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền, người quản lý rủi ro, người thẩm định ký kết. Do vậy, người đã giao dịch với người không có quyền đại diện không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Lý do: căn cứ vào khoản 1 điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-NHNN ngày 03 tháng 10 năm 2012 và điều 145 Bộ luật dân sự 2005.

Do vậy, xét về giá trị của chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo thông báo tu chính số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 do Giám đốc VAB - CNAG ký kết không phải là thư bảo lãnh tu chính/Phụ lục của Thư bảo lãnh số 001689 (số seri) nên không có giá trị pháp lý để VAB thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên bảo lãnh đối với Bưu điện CT nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của BĐCT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CTSGTdo ông Tạ Kim H và Phạm Đình C đại diện theo ủy quyền trình bày theo đơn kiến nghị về việc yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra như sau:

CTSGTdo ông Tạ Kim H làm chủ tịch, ông Nguyễn Văn Cđược Hội đồng quản trị của CTSGTbổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ tháng 10 năm 2009 với nhiệm kỳ 5 năm. Trong quá trình hoạt động, ông Cđã lạm dụng chức vụ, tự ý ký kết nhiều hợp đồng kinh

tế, hợp đồng kinh doanh, tham gia đấu thầu không hợp lệ, không thông qua Hội đồng quản trị của Công ty, vi phạm nghiêm trọng điều lệ công ty.

Theo điều lệ, hoạt động của công ty, vốn điều lệ của CTSGT đăng ký với số tiền là 23.700.000.000đ. Nhiều năm liền công ty hoạt động kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ, nợ thuế. Với tình hình trên không thể tham gia đấu thầu với khối lượng công việc theo hợp đồng thi công với số tiền gần 60.000.000.000đ, cao hơn so với vốn điều lệ và theo báo cáo kiểm toán, CTSGT thua lỗ nhiều năm liền từ năm 2010 đến 2013. Với tình hình thua lỗ, công ty tham gia đấu thầu và trúng thầu là điều bất thường.

Đối với ông Nguyễn Văn C, bản thân ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc biết rõ theo quy định tại Điều lệ công ty thì phải báo cáo với Hội đồng quản trị nhưng ông C tự ký kết hợp đồng không thông qua công ty trong khi công ty hoạt động thua lỗ, nợ thuế, không có khả năng trả lương cho nhân viên.

Hành vi của ông C nhân danh Giám đốc CTSGT ký kết các hợp đồng nêu trên là vi phạm điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty, có dấu hiệu gian dối và móc ngoặc với cán bộ Bru điện CT và Ngân hàng TMCP VA để trục lợi. Do đó, sau khi ông C biết Hội đồng quản trị có đơn yêu cầu Cơ quan điều tra Công an thành phố HCM làm rõ nhưng ông C đã bỏ trốn từ giữa năm 2014 đến nay.

Vì những sự việc nêu trên, Công ty đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra có thẩm quyền làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của ông C và cán bộ BDPCT, Ngân hàng TMCP VA – CNAG, yêu cầu chấp nhận đề nghị của Công ty.

Ông Đoàn Thanh K có ý kiến trình bày như sau: Ông K là giám đốc Ngân hàng TMCP VA – CNAG. Theo thư bảo lãnh số 235/410/15/HĐ, ngày 31 tháng 03 năm 2015, ông K đã thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công và các quy định bảo lãnh của Ngân hàng cũng như quy định của pháp luật. Ông K thống nhất các ý kiến trình bày của Ngân hàng TMCP VA, không cung cấp tài liệu, chứng cứ bổ sung, không có yêu cầu độc lập và yêu cầu được vắng mặt trong các phiên tòa.

Bà Phạm Thị Ngọc T có ý kiến trình bày như sau: Bà T là chuyên viên kiểm soát T dụng tại Ngân hàng TMCP VA – CNAG. Theo thư bảo lãnh số 235/410/15/HĐ, ngày 31 tháng 03 năm 2015, bà T xác định đã thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công và các quy định bảo lãnh của Ngân hàng. Bà T thống nhất nội dung trình bày của Ngân hàng TMCP VA, không có ý bổ sung, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn và yêu cầu vắng mặt trong các phiên tòa.

Bà Nguyễn Thanh T có ý kiến trình bày như sau: Bà Th là chuyên viên khách hàng doanh nghiệp, là người thẩm định khoản tiền bảo lãnh, bà đã thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công và các quy định về bảo lãnh của Ngân hàng TMCP VA – CNAG. Bà Th thống nhất nội dung trình bày của Ngân hàng TMCP VA, không có ý bổ sung, không

cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn và yêu cầu vắng mặt trong các phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Tổng công ty BĐVN do ông Nguyễn Văn L và ông Mai Trung K đại diện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Ngân hàng TMCP VA. Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với hợp đồng thi công số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 với số tiền bảo lãnh 1.316.591.000đ, yêu cầu trả tiền lãi Th từ ngày 27 tháng 06 năm 2015 đến ngày xét xử 30 tháng 03 năm 2020, mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi tạm Th là 561.745.494đ, yêu cầu tiếp tục Th lãi cho đến khi Ngân hàng trả hết số tiền cho Tổng công ty BĐVN.

Ngân hàng TMCP VA do ông Tăng Hồ T và ông Trần Đình K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty BĐVN. Do chứng thư 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 Ngân hàng TMCP VA – CNAG có ký bảo lãnh cho CTSGT với điều kiện là BĐTPCT phải chuyển số tiền bảo lãnh là 13.000.000.000đ vào tài khoản của CTSGT theo số tài khoản 410.5.0000.2296.9000 mở tại NHVA– CNAG trong thời gian từ ngày 31 tháng 03 năm 2015 đến ngày 25 tháng 06 năm 2015. Tuy nhiên, đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015, BĐTPCT không thực hiện nghĩa vụ chuyển số tiền nêu trên và căn cứ vào quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-NHNN ngày 03 tháng 10 năm 2012 quy định cho Ngân hàng chỉ được phép thực hiện phát hành chứng thư khi có đầy đủ thành phần ký bảo lãnh. Đối với chứng thư 235/410/15/HĐ mặc dù có bảo đảm về trình tự, thủ tục, đảm bảo đúng thành phần ký kết nhưng trong thời hạn quy định BĐTPCT không chuyển tiền vào tài khoản nên chứng thư không có giá trị pháp lý. Riêng thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 chỉ do ông K thực hiện, không đủ thành phần tham gia thẩm định, kiểm soát hoạt động rủi ro nên không bảo đảm thủ tục theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên.

Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1, điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng, các đương sự tham gia tố tụng là đúng quy định tại điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại điều 177, điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, điều 71, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Ngày 09 tháng 08 năm 2012, BĐTPCT và CTCPSGT thỏa thuận ký kết hợp đồng số 03/HĐTC.12. Theo đó, CTCPSGT thi công xây dựng công trình Trung tâm khai thác chia chọn và nút mạng viễn thông liên tỉnh Đồng B sông CL tại thành phố CT. Quá trình thi công, các bên có ký kết 05 phụ lục hợp đồng.

Để đảm bảo thực hiện hợp đồng và các phụ lục kèm theo nên đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 Ngân hàng TMCP VA – CNAG ký kết hợp đồng cấp bảo lãnh số 013/HĐBL – VAB – AG/2015 CTSGT để bảo lãnh trách nhiệm chi trả số tiền 1.316.591.000đ của CTSGT với bên nhận bảo lãnh là BĐCT. Do đó, NHVA – CNAG đã ban hành chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số seri 001698, số phát hành 235/410/15/HĐ, đồng ý bảo lãnh cho CTSGT thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 các phụ lục kèm theo.

Do CTSGT liên tục vi phạm thời hạn thi công và các hạng mục thi công công trình ngoài thực địa theo thỏa thuận nên Bưu điện CT nhiều lần tổ chức buổi họp để bàn bạc, tìm giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công nhưng CTSGT không thực hiện. Đến ngày 20 tháng 06 năm 2015 Bưu điện CT ban hành thông báo số 711/TB-BĐCT về việc chấm dứt Hợp đồng thi công số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 với CTSGT đồng thời ban hành văn bản số 712/BĐCT-KHKD-KTTKTC đến NHVA – CNAG yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vô điều kiện cho CTSGT với bên nhận bảo lãnh là Bưu điện CT với số tiền 1.316.591.000đ. Tuy nhiên, qua nhiều văn bản NHVA – CNAG không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo chứng thư số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 và Thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 chi trả tiền bảo lãnh cho BĐCT.

Do vậy, Bưu điện CT kiện yêu cầu NHVA – CNAG phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho CTSGT trả cho Bưu điện CT số tiền 1.878.336.494đ. Trong đó, số tiền bảo lãnh 1.316.591.000đ, tiền lãi chậm thanh toán Th từ ngày 28 tháng 06 năm 2017 đến ngày 30 tháng 03 năm 2020 với số tiền tổng cộng là 561.745.494đ.

Theo yêu cầu khởi kiện, NHVA – CNAG cho rằng, giữa NHVA và Bưu điện CT có ký kết giao dịch bảo lãnh với nhau. Cụ thể như sau:

Ngày 31 tháng 03 năm 2015 NHVA– CNAG ký kết hợp đồng cấp bảo lãnh số 013/HĐBL – VAB – AN/2015 với CTSGTbảo lãnh cho hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng. Theo nội dung chứng thư chỉ có hiệu lực pháp luật khi số tiền còn lại của hợp đồng số 03/HĐTC.12 và các phụ lục của hợp đồng, số tiền 13.000.000.000đ phải được chuyển về tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 của CTSGTmở tại NHVA– CNAG kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2015 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015, cho đến nay Bưu điện CTkhông thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền vào tài khoản đã nêu trên.

Đối với chứng thư là thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015, căn cứ vào khoản 1 điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-NHNN ngày 03 tháng 10 năm 2012 và điều 145 Bộ luật dân sự 2005 quy định chứng thư có hiệu lực khi có đầy đủ các thành phần gồm người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền, người quản lý rủi ro, người thẩm định ký kết. Do chứng thư ký kết do người không có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý nên không đồng ý bảo lãnh

Đối với chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 theo thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 chỉ do giám đốc NHVA– CNAG ký kết không phải là thư bảo lãnh nên không có giá trị pháp lý để Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Theo ý kiến trình bày của Công ty Sài Gòn Tourist, việc ông Nguyễn Văn C ký kết hợp đồng với BĐCT, NHVA là vi phạm điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các bên có dấu hiệu gian dối nên đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển sang cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết.

Đối với ông Đoàn Thanh K, ông là Giám đốc NHVA– CNAG, trong quá trình phát hành thư bảo lãnh số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015, ông thực hiện đúng nhiệm vụ và quy định của pháp luật về bảo lãnh tại Ngân hàng Việt Á.

Đối với bà Nguyễn Thanh T, bà đã Tthập đầy đủ các chứng từ pháp lý cần thiết theo quy định của Ngân hàng để phát hành chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 với tư cách là người thẩm định khoản tiền bảo lãnh. Đối với thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 bà không biết, không tham gia thực hiện.

Đối với bà Phạm Thị Ngọc T, bà Tký tên trong chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 với tư cách là người quản lý rủi ro hoạt động bảo lãnh. Đối với thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 bà không biết, không tham gia ký kết.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự. Xét thấy:

Nội dung, hình thức chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 của NHVA là bảo đảm đúng quy định tại điều 14, khoản 1 điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-NHNN ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ bảo lãnh của NHVA đối với Công ty Sài Gòn Tourist. Theo nội dung, thư bảo lãnh có hiệu lực khi số tiền còn lại của Hợp đồng số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 và các phụ lục kèm theo hợp đồng là 13.000.000.000 đồng được chuyển về tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 của CTSGT mở tại NHVA – CNAG, kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2015 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015. Tuy nhiên, thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 do ông Đoàn Thanh K làm giám đốc ký tu chỉnh nội dung hiệu lực của chứng thư bảo lãnh số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015, tu chỉnh nội dung hiệu lực của chứng thư bảo lãnh và xác định thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký. Xét, nội dung này đã làm thay đổi hoàn toàn điều kiện hiệu lực của chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ.

Theo công văn số 103/ANG-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước – CNAG thể hiện không có ý kiến về xác định thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015, vì thông báo có được xem là văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung cam kết bảo lãnh hay không là theo quy định nội bộ của Ngân hàng Việt Á.

Đối chiếu căn cứ tại điểm c khoản 1 điều 11 quy trình bảo lãnh NHVA ban hành theo quyết định số 2001/QĐ-TGD/13 ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Tổng giám đốc NHVA thể hiện: Đối với trường hợp sửa đổi/hủy cam kết chứng thư bảo lãnh nhân viên quan hệ khách hàng phải Thờ cam kết/chứng thư bảo lãnh đã ký trước khi trình ký văn bản thông báo về việc sửa đổi hủy bảo lãnh cho các bên có liên quan và theo quy định tại khoản 1 điều 10 của Quy trình bảo lãnh NHVA có nêu: Hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết chứng thư bảo lãnh của VAB phải được ký đầy đủ bởi: Người đại diện theo pháp luật: Là lãnh đạo các đơn vị kinh doanh được ủy quyền theo quy định pháp luật và VAB; người quản lý rủi ro hoạt động bảo lãnh: Là kiểm soát T dụng của phòng Quản lý T dụng; người thẩm định khoản bảo lãnh: Là nhân viên quan hệ khách hàng tại các đơn vị kinh doanh. Xét quy định này phù hợp khoản 1 điều 15 thông tư số 28/2012/TT-NHNN.

Từ quy định nêu trên, mặc dù thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 do ông K ký thể hiện nội dung thay đổi hoàn toàn điều kiện hiệu lực của chứng thư bảo lãnh số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015. Tuy nhiên, thông báo chỉ do ông K ký, không có bà T, bà Th ký với vai trò là người quản lý rủi ro, người thẩm định và bà T, Th hoàn toàn không biết, không tham gia ký kết xác định trong thông báo số 235A/TB-CNAG/15. Bên cạnh đó, chứng thư số 235/410/15/HĐ chưa được Thờ nên thông báo số 235A/TB-CNAG/15 không có giá trị pháp lý, không bảo đảm thành phần ký kết cũng như trình tự, thủ tục theo quy định về quy trình bảo lãnh.

Căn cứ Điều 335, Điều 339, Điều 343 Bộ luật dân sự 2015; Thông tư số 28/2012/TT-NHNN ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty BĐVN về việc yêu cầu NHVA phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho CTSGT chuyển trả cho Bưu điện CT số tiền 1.878.336.494đ. Trong đó, số tiền bảo lãnh 1.316.591.000đ, số tiền lãi chậm trả thanh toán từ ngày 28 tháng 06 năm 2017 đến ngày 30 tháng 03 năm 2020 là 561.745.494đ (tạm Th).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho các đương sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn có mặt. Riêng CTSGT vắng mặt, không có lý do, không có đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Đoàn Thanh K, bà Phạm Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Sài Gòn Tourist, ông Đoàn Thanh K, bà Nguyễn Thanh T và bà Phạm Thị Ngọc T là phù hợp quy định pháp luật.

[1.2] Tổng công ty BĐVN ủy quyền cho BĐTPCT tham gia tố tụng theo quyết định ủy quyền số 1540/QĐ-BĐVN, ngày 12 tháng 10 năm 2015 về việc ủy quyền khởi kiện, tham gia tố tụng, giải quyết tranh chấp dân sự và thi hành án. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L theo giấy ủy quyền số 08/BĐCT-UQ/2017 và ông Mai Trung K theo giấy ủy quyền số 07/BĐCT-UQ/2017 cùng ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc BĐTPCT.

[1.3] Ngân hàng TMCP VA ủy quyền cho Ngân hàng TMCP VA – CNAG do ông Nguyễn Minh V, ông Tăng Hồ T và ông Trần Đình K. Theo giấy ủy quyền số 12A/2018/GUQ-TGD, ngày 26 tháng 01 năm 2018 và số 221/2019/GUQ-TGD ngày 06 tháng 09 năm 2019, của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP VA.

[1.4] Việc ủy quyền của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 562 và Điều 563 Bộ Luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Tổng công ty BĐVN về số tiền bảo lãnh. Xét, yêu cầu khởi kiện phát sinh trong hoạt động kinh doanh của chi nhánh có trụ sở tại phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, nên Tổng công ty BĐVN lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang giải quyết là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30,

Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp phát sinh từ bảo lãnh, theo sự thỏa thuận giữa hai bên là phù hợp quy định tại Điều 335 Bộ Luật dân sự 2015 nên quan hệ pháp luật là hợp đồng bảo lãnh.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án:

[3.1] Xét các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ, ngày 31 tháng 03 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP VA – CNAG với CTSGT thấy: Ông Đoàn Thanh K - Giám đốc Ngân hàng TMCP VA - CNAG đã ký tên với tư cách là người đại diện theo pháp luật của NHVA- CNAG, chấp thuận bảo lãnh cho CTSGT có trụ sở tại số 94-96 đường Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố HCM, gọi là bên được bảo lãnh để thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012. Theo hợp đồng có các phụ lục gồm:

Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/PL.HĐTC.14 ngày 13 tháng 01 năm 2014,

Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/PL.HĐTC.14 ngày 27 tháng 06 năm 2014

Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng công trình 03/PL.HĐTC.14 ngày 29 tháng 09 năm 2014

Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng công trình số 04/PL.HĐTC.14 ngày 30 tháng 10 năm 2014

Phục lục hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/PL.HĐTC.15 ngày 25 tháng 03 năm 2015 giữa CTSGT và BĐTPCT - Thuộc Tổng công ty BĐVN.

[3.2] Theo chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng, NHVA chấp thuận giá trị bảo lãnh hợp đồng là 1.316.591.000đ, giá trị bảo lãnh sẽ giảm trừ tương ứng với số tiền mà CTSGT hoặc NHVA đã thanh toán cho chủ đầu tư.

[3.3] Về hiệu lực của chứng thư bảo lãnh, NHVA xác định: Thư bảo lãnh có hiệu lực khi số tiền còn lại của hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng chính là 13.000.000.000 đồng được chuyển về tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 của CTSGT đã mở tại NHVA- CNAG, kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2015 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015. Ngoài ra, NHVA cam kết sẽ thanh toán số tiền bảo lãnh vô điều kiện cho chủ đầu tư là Bưu điện CT số tiền trong phạm vi bảo lãnh đã thống nhất nêu trên ngay khi nhận được văn bản đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp pháp của BĐTPCT trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh.

[3.4] Theo nội dung chứng thư NHVA bảo lãnh vô điều kiện cho Công ty Sài Gòn Tourist, số tiền bảo lãnh 1.316.591.000đ, thời gian bảo lãnh từ ngày 31 tháng 03 năm

2015 đến hết ngày 26 tháng 05 năm 2015 là 13.000.000.000đ; đây là điều kiện để NHVAbảo lãnh là số tiền 13.000.000.000đ phải do Bưu điện CTchuyển vào số tài khoản của CTSGTđã đăng ký tại NHVAtheo tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 31 tháng 03 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015. Tuy nhiên, Bưu điện CTtrình bày xác định sự việc là do CTSGTkhông tiếp tục thực hiện hợp đồng thi công nên không chuyển số tiền 13.000.000.000đ vào tài khoản của CTSGTtheo chứng thư bảo lãnh 235/410/15/HĐ. Theo chứng thư không thể hiện NHVAbuộc phải có nghĩa vụ bảo lãnh số tiền khi chưa nhận được thông tin xác định BĐCT.

[3.5] Bưu điện CTbiết rõ được việc nếu Bưu điện CTkhông chuyển tiền 13.000.000.000đ đồng vào tài khoản của CTSGTmở tại NHVAtrong hạn 3 tháng từ ngày 31 tháng 03 năm 2015 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2016 thì chứng thư bảo lãnh số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 của NHVAsẽ không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Hơn nữa, tại thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 của NHVAtu chỉnh nội dung chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015, Bưu điện CTcam kết khi thanh toán sẽ chuyển vào tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 của CTSGTđược mở tại Ngân hàng Việt Á.

[3.6] Xét chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 NHVAxác định BĐTPCT phải chuyển 13.000.000.000đ vào tài khoản của CTSGTđược mở tại NHVAvà phải chuyển tiền trong hạn 3 tháng từ ngày 31 tháng 03 năm 2015 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015. Căn cứ điều 120 Bộ luật dân sự, việc Bưu điện CTchuyển tiền vào tài khoản của CTSGTtại NHVA– CNAG là điều kiện để chứng thư do NHVApát hành được bảo lãnh và đây là sự thỏa thuận về điều kiện trong giao dịch dân sự giữa các bên. Căn cứ lời trình bày của Bưu điện CTthì chưa chuyển số tiền 13.000.000.000đ vào tài khoản của CTSGTtại NHVAnên chưa làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng

[3.7] Xét thông báo tu chỉnh số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 NHVAtu chỉnh là sự chỉnh sửa B văn bản đối với nội dung là: Tu chỉnh nội dung theo chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 3 năm 2015. Cần tu chỉnh cho “*Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng công trình số 04/PL.HĐTC.14 ngày 30 tháng 10 năm 2014*” được sửa đổi thành “*Phụ lục hợp đồng thi công công trình số 04.1/PL.HĐTC.14 ngày 30 tháng 10 năm 2014*”. Và: “Thư bảo lãnh có hiệu lực khi số tiền còn lại của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 và các phụ lục kèm theo Hợp đồng chính là 13.000.0000.000 đồng được chuyển về tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 của Công ty CPTK XDST mở tại Ngân hàng TMCP Việt Á CNAG kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2012 đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2012” được tu chỉnh sửa đổi thành: “Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2015”. Ngoài ra, NHVAcam kết sẽ thanh toán vô điều kiện cho

Chủ đầu tư là Bưu điện CT trong phạm vi bảo lãnh sau khi nhận được văn bản đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp pháp của chủ đầu tư trong thời hạn hiệu lực thư bảo lãnh. Và: Ngân hàng còn xác định “Số tiền thanh toán còn lại theo tiến độ thi công tương đương là 13.000.000.000 đồng của hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012 cùng các phụ lục kèm theo hợp đồng này được ký kết giữa Công ty CPTK XDSGT với BĐCT. Chủ đầu tư cam kết khi thanh toán sẽ chuyển vào tài khoản số 410.5.0000.2296.9000 của Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Sài Gòn Tourist mở tại Ngân hàng TMCP Việt Á-CNAG”.

[3.8] Theo điều 14 thông tư liên tịch số 28/2012/TT-NHNN ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cam kết bảo lãnh đối với việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ nội dung cam kết bảo lãnh do các bên liên quan tự thỏa thuận và quy định tại khoản 1 điều 15 của Thông tư có quy định về thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh phải được ký bởi, người đại diện theo pháp luật, người quản lý rủi ro hoạt động bảo lãnh và người thẩm định khoản bảo lãnh.

[3.9] Xét nội dung công văn số 103/ANG-TTGSNH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – CNAG xác định chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 và thông báo 235A/TB-CNAG/15, ngày 06 tháng 04 năm 2015 không có ý kiến và xác định không có căn cứ xem xét.

[3.10] Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 điều 11 của Quy trình bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Á có quy định kèm theo Quyết định số 2001/QĐ-TGĐ/13 ngày 25 tháng 07 năm 2013 do NHVA quy định xác định chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 và Thông báo tu chỉnh số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 phải Thôi chứng thư 235/410/15/HĐ, sau đó mới phát hành 235A/TB-CNAG/15 và tại khoản 1 điều 10 của Quy trình bảo lãnh NHVA tiếp tục có quy định Thông báo tu chỉnh số 235A/TB-CNAG/15 phải được ký đầy đủ thành phần gồm Lãnh đạo đơn vị kinh doanh (Ngân hàng Việt Á- CNAG), người quản lý rủi ro, người thẩm định bảo lãnh. Xét thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ông Đoàn Thanh K ký phát hành, không có tham gia ký kết của người quản lý rủi ro, người thẩm định bảo lãnh và chứng thư 235/410/15/HĐ chưa được Thôi nên không bảo đảm trình tự thủ tục bảo lãnh, Thôi. Xét theo yêu cầu khởi kiện, bị đơn NHVA không đồng ý. Do vậy, người đã giao dịch với người không có quyền đại diện không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 120, Điều 335, Điều 339, Điều 343 Bộ luật dân sự không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.11] Đối với ý kiến trình bày của CTSGT đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án do có yếu tố vi phạm pháp luật hình sự giữa ông Nguyễn Văn CTổng giám đốc CTSGT với các cán bộ của BĐTPCT và NHVA có sự móc ngoặc với nhau và bản thân Công ty không đủ khả năng đầu thầu thi công công trình với khối lượng lớn công việc theo hợp đồng số

03/HĐTC.12 ngày 09 tháng 08 năm 2012. Xét ý kiến trình bày và yêu cầu của CTSGT không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để làm rõ và có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết nên không xét đến.

[3.12] Về yêu cầu Th lãi suất, BĐTPCT căn cứ quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của chính phủ, Ủy ban thường vụ quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất phù hợp quy định pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận về trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi thì lãi suất được xác định B 50% mức lãi suất giới hạn quy định. Do đó, yêu cầu của Tổng công ty BĐVN về việc trả số tiền lãi chậm trả Th đến ngày 30 tháng 03 năm 2020 là 561.745.494đ. Xét yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty BĐVN đối với số tiền bảo lãnh do không có căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên nên không có căn cứ phát sinh nghĩa vụ trả tiền lãi đối với Ngân hàng Việt A.

[3.13] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không xét.

[3.14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

[3.15] Từ những phân tích trên, theo yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty BĐVN không có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn Tổng công ty BĐVN phải nộp tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 116, 117, 119, 120, 335, 339, 343, 562, 563 Bộ luật dân sự 2015.
- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Các Điều 259, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty BĐVN đối với Ngân hàng TMCP VA về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP VA trả số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 và thông báo số 235A/TB-CNAG/15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 về việc tu chỉnh nội dung theo chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 235/410/15/HĐ ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Ngân hàng TMCP VA – CNAG với tổng số tiền 1.878.336.494đ (một tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm chín mươi bốn đồng). Trong đó, số tiền bảo lãnh 1.316.591.000đ (một tỷ, ba trăm mười sáu triệu, năm trăm chín mươi một ngàn đồng), tiền lãi 561.745.494đ (năm trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn, bốn trăm chín mươi đồng), (tạm Th đến ngày 30 tháng 03 năm 2020).

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tổng công ty BĐVN nộp số tiền 68.350.095đ (sáu mươi tám triệu, ba trăm năm mươi ngàn, không trăm chín mươi lăm đồng). Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 25.749.000đ (hai mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi chín ngàn đồng), theo biên lai Tsố 0004955, ngày 25 tháng 01 năm 2018. Tổng công ty BĐVN nộp thêm số tiền 42.601.095đ (bốn mươi hai triệu, sáu trăm lẻ một ngàn, không trăm chín mươi lăm đồng) tại cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền.

Về quyền kháng cáo:

- Tổng công ty BĐVN, Ngân hàng TMCP VA được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Công ty CPTK XDST, ông Đoàn Thanh K, bà Nguyễn Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS tp. Long

Xuyên;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - CHỦ TỌA phiên tòa

Trần Văn Phương